

Hải Phòng, ngày 01 tháng 10 năm 2020

GIẤY ỦY QUYỀN

(Số: **33**.../TASA-UQ)

- Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải;
- Căn cứ vào quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải;
- Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty,

Người uỷ quyền: Ông Đào Việt Anh

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

CMND số: 012348941 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/02/2014.

Người được uỷ quyền: Ông Phan Thanh Bình

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

CMND số: 030800017 do Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 12/11/2008.

Nội dung uỷ quyền:

1. Trong phạm vi quyền hạn của mình, Ông Đào Việt Anh uỷ quyền cho Ông Phan Thanh Bình ký các loại Báo cáo tài chính và các văn bản giải trình liên quan đến các loại Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.
2. Người được uỷ quyền chịu trách nhiệm trước Người uỷ quyền, Công ty và trước pháp luật về công việc được uỷ quyền.
3. Thời hạn uỷ quyền: Việc uỷ quyền này có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký giấy uỷ quyền.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Bình

NGƯỜI ỦY QUYỀN



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Đào Việt Anh

Số: 41 /CV-TASA DH - 2021

Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2021

(V/v: Giải trình chênh lệch KQHĐKD
Quý II/2021)

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

1. Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ Phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải.
2. Mã chứng khoán: TCO
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 189 Đường đi Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.
4. Điện thoại: 02253.978.895 FAX: 02253.978.895

(Đơn vị tính: Đồng)

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Quý II/2021	Quý II/2020	Chênh lệch	
			+/-	%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13,852,083,865	6,837,285,285	7,014,798,580	102.60%
Giá vốn hàng bán	11,992,566,251	5,536,238,851	6,456,327,400	116.62%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,859,517,614	1,301,046,434	558,471,180	42.92%
Doanh thu hoạt động tài chính	10,128,826,456	4,377,025,894	5,751,800,562	131.41%
Chi phí tài chính	(1,531,987,133)	(46,604,362)	(1,485,382,771)	-3187.22%
- Trong đó: Chi phí lãi vay			-	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,664,615,595	1,200,556,706	464,058,889	38.65%
Thu nhập khác	875,000,000		875,000,000	100.00%
Chi phí khác			-	100.00%
Lợi nhuận khác	875,000,000	-	875,000,000	100.00%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12,730,715,608	4,524,119,984	8,206,595,624	181.40%
Thuế TNDN fải nộp	1,123,017,374	242,558,550	880,458,824	362.99%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11,607,698,234	4,281,561,434	7,326,136,800	171.11%

Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý II/2021 tăng 171.11% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu sản xuất kinh doanh Quý II/2021 tăng 102.60% so với cùng kỳ năm ngoái do sản lượng cung cấp dịch vụ tăng, lợi nhuận gộp hoạt động sản xuất kinh doanh tăng 42.90%

+ Khoản mục doanh thu hoạt động tài chính tăng 131.41% so với cùng kỳ: Trong Quý II/2021, lợi nhuận các công ty con trích nộp theo thông báo về Công ty mẹ và khoản tiền lãi thu được do Công ty mẹ đầu tư tài chính nhiều hơn so với Quý II/2020.

+ Khoản mục chi phí tài chính: Quý II/2021, Công ty mẹ hoàn nhập số đã trích dự phòng đầu tư tài chính vào công ty con của các kỳ trước.

+ Trong Quý II/2021, Công ty mẹ thu được lợi nhuận từ bán phương tiện vận tải. Quý II/2020 không có khoản thu nhập này.

Chúng tôi xin cam kết bản giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình.

Nơi nhận:

-Như trên

-Lưu.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Bình



Số: 42 /CV-TASA DH - 2021
(V/v: Giải trình chênh lệch KQHĐKD
06 tháng đầu năm 2021)

Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2021

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

1. Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ Phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải.
2. Mã chứng khoán: TCO
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 189 Đường đi Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.
4. Điện thoại: 02253.978.895 FAX: 02253.978.895

(Đơn vị tính: Đồng)

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến 30/06/2020	Chênh lệch	
			+/-	%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23,537,545,573	13,030,672,434	10,506,873,139	80.63%
Giá vốn hàng bán	20,189,307,364	10,612,693,779	9,576,613,585	90.24%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3,348,238,209	2,417,978,655	930,259,554	38.47%
Doanh thu hoạt động tài chính	10,508,724,282	8,739,653,354	1,769,070,928	20.24%
Chi phí tài chính	(1,504,357,620)	(84,745,128)	(1,419,612,492)	-1675.16%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,152,657,385	2,377,747,694	774,909,691	32.59%
Thu nhập khác	875,060,416		875,060,416	100.00%
Chi phí khác	3,370		3,370	100.00%
Lợi nhuận khác	875,057,046		875,057,046	100.00%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11,890,101,565	8,408,814,192	3,481,287,373	41.40%

Lợi nhuận sau thuế TNDN 06 tháng đầu năm 2021 tăng 41.40% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2021 tăng 80.63% so với cùng kỳ năm ngoái do sản lượng cung cấp dịch vụ tăng, lợi nhuận gộp hoạt động sản xuất kinh doanh tăng 38.47%.



+ Khoản mục doanh thu hoạt động tài chính tăng 20.24% so với cùng kỳ: Trong 06 tháng đầu năm 2021, lợi nhuận các công ty con trích nộp theo thông báo về Công ty mẹ và khoản tiền lãi thu được do Công ty mẹ đầu tư tài chính nhiều hơn so với cùng kỳ năm ngoái.

+ Khoản mục chi phí tài chính: 06 tháng đầu năm 2021, Công ty mẹ hoàn nhập số đã trích dự phòng đầu tư tài chính vào công ty con của các kỳ trước.

+ Trong 06 tháng đầu năm 2021, Công ty mẹ thu được lợi nhuận từ bán phương tiện vận tải 06 tháng đầu năm 2020 không có khoản thu nhập này.

Chúng tôi xin cam kết bản giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình.

Nơi nhận:

-Như trên

-Lưu.

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thanh Bình



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2021



MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
-	<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2021</i>	1-2
-	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý II năm 2021</i>	3
-	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021</i>	4
-	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính Quý II năm 2021</i>	5-22

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. Tài sản ngắn hạn	100		246,342,834,475	74,658,384,189
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14,451,366,633	56,020,370,348
1. Tiền	111		14,451,366,633	5,020,370,348
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	51,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		31,057,440,900	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	31,057,440,900	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		200,480,916,043	18,223,007,933
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	7,084,615,843	1,635,912,548
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		70,179,354,000	79,427,371
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	123,216,946,200	16,507,668,014
IV. Hàng tồn kho	140		50,233,500	-
1. Hàng tồn kho	141	V.5	50,233,500	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		302,877,399	415,005,908
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	302,877,399	415,005,908
B. Tài sản dài hạn	200		21,492,146,254	175,999,607,584
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		20,095,000,000	8,892,000,000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.3b	-	8,800,000,000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	20,095,000,000	92,000,000
II. Tài sản cố định	220		1,030,317,015	1,092,760,467
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	1,030,317,015	1,092,760,467
- Nguyên giá	222		1,323,944,547	9,328,713,864
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(293,627,532)	(8,235,953,397)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	165,591,640,789
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	167,096,120,074
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(1,504,479,285)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		366,829,239	423,206,328
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	366,829,239	423,206,328
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		267,834,980,729	250,657,991,773

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
C. Nợ phải trả	300		10,107,261,183	4,225,304,674
I. Nợ ngắn hạn	310		10,032,261,183	4,147,304,674
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	6,442,362,818	1,038,579,164
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	49,355
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9a	1,364,546,090	108,968,894
4. Phải trả người lao động	314		281,541,800	220,494,900
5. Chi phí phải trả	315	V.10	519,919,200	592,041,000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11a	1,151,478,168	2,017,010,594
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		272,413,107	170,160,767
II. Nợ dài hạn	330		75,000,000	78,000,000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.11b	75,000,000	78,000,000
D Vốn chủ sở hữu	400	V.13a	257,727,719,546	246,432,687,099
I. Vốn chủ sở hữu	410		257,727,719,546	246,432,687,099
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		187,110,000,000	187,110,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		167,280,760,000	167,280,760,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9,772,359,500	9,772,359,500
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(22,095,490,500)	(22,095,490,500)
4. Quỹ đầu tư phát triển	416		944,565,060	875,146,852
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		-	108,532,185
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81,996,285,486	70,662,139,062
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		70,106,183,921	60,635,006,221
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11,890,101,565	10,027,132,841
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		267,834,980,729	250,657,991,773

Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2021

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Tổng Giám đốc



Phan Thanh Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ II NĂM 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	13,852,083,865	6,837,285,285	23,537,545,573	13,030,672,434
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	03				-	-
- Hàng bán bị trả lại					-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		13,852,083,865	6,837,285,285	23,537,545,573	13,030,672,434
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3	11,992,566,251	5,536,238,851	20,189,307,364	10,612,693,779
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1,859,517,614	1,301,046,434	3,348,238,209	2,417,978,655
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	10,128,826,456	4,377,025,894	10,508,724,282	8,739,653,354
7 Chi phí tài chính	22	VI.5	(1,531,987,133)	(46,604,362)	(1,504,357,620)	(84,745,128)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1,664,615,595	1,200,556,706	3,152,657,385	2,377,747,694
9 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11,855,715,608	4,524,119,984	12,208,662,726	8,864,629,443
10 Thu nhập khác	31		875,000,000		875,060,416	-
11 Chi phí khác	32		-		3,370	-
12 Lợi nhuận khác	40		875,000,000	-	875,057,046	-
13 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12,730,715,608	4,524,119,984	13,083,719,772	8,864,629,443
14 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1,123,017,374	242,558,550	1,193,618,207	455,815,251
15 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11,607,698,234	4,281,561,434	11,890,101,565	8,408,814,192

Người lập

Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2021
Tổng Giám đốc

Phan Thanh Bình



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến 30/06/2020
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13,083,719,772	8,864,629,443
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	62,443,452	91,815,156
- Các khoản dự phòng	03	(1,504,479,285)	(87,843,843)
- Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	72,155	3,098,715
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05	(1,385,802,549)	(9,087,805,011)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10,255,953,545	(216,105,540)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(202,260,908,110)	(7,023,604,176)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	50,233,500	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4,989,282,490	(3,698,091,272)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	168,505,598	(115,648,036)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(31,057,440,900)	*
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(75,878,166)	(311,813,935)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(721,236,500)	(201,054,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(218,651,488,543)	(11,566,316,959)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	875,000,000	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3,000,000,000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8,800,000,000	3,700,000,000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3,110,000,000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	167,096,120,074	
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	510,802,549	15,409,229,313
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	177,281,922,623	12,999,229,313
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(199,365,640)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(199,365,640)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(41,568,931,560)	1,432,912,354
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	56,020,370,348	11,162,131,062
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(72,155)	(3,098,715)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	14,451,366,633	12,591,944,701

Người lập


Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng


Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2021
Tổng Giám đốc



Phan Thanh Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **QUÝ II NĂM 2021**

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP.

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ Phần số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 14, ngày 14 tháng 05 năm 2018. Theo đó;

Trụ sở chính của Công ty: Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty : **187.110.000.000 đồng**

Mệnh giá cổ phần : **10.000 đồng**

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết : Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, romooc và bán romooc.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa; Cho thuê Container;
- Cho thuê xe có động cơ;

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường : 03 tháng

5. Danh sách các Công ty con, chi nhánh và tỷ lệ sở hữu

2021/05/14

• **Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200183294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 07 tháng 4 năm 2021. Theo đó:

Vốn điều lệ : 60.700.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Km 104+ 200 đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt nam.

Hoạt động kinh doanh chính là kho bãi và lưu giữ hàng hóa, Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Cho thuê kho bãi, văn phòng, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khách liên quan đến vận tải.

Công ty Mẹ nắm giữ 99,89% vốn điều lệ của Công ty con.

Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 21/05/2021.

• **Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải**

Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200663942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 27 tháng 04 năm 2017. Theo đó:

Vốn điều lệ : 10.800.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải, Cho thuê xe có động cơ.

Công ty nắm giữ 99,35% vốn điều lệ của Công ty con.

Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 07/06/2021.

• **Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội**

Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102805652 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 07 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 25 tháng 09 năm 2017. Theo đó;

Vốn điều lệ : 2.520.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : P212, Nhà N3A, Lê Văn Lương, Trung hòa - Nhân chính, phường Nhân chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt nam.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là vận tải hàng hoá bằng đường bộ, cho thuê xe có động cơ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con .

Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 09/06/2021.

• **Công ty TNHH Container Minh Thành**

Công ty TNHH Container Minh Thành (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200667880 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 04 năm 2006, thay đổi lần thứ 8 ngày 14 tháng 9 năm 2017. Theo đó;

Vốn điều lệ : 45.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189 Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là kho bãi và lưu giữ hàng hóa, Cho thuê kho bãi, văn phòng, Cho thuê xe có động cơ.

Công ty nắm giữ 99,947% vốn điều lệ của Công ty con.

12/2021
CỔ
VÀ
HỮU
C

Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 31/05/2021.

• **Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải**

Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202022905 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2020. Theo đó;

Vốn điều lệ : 1.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189 đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là công nghệ và phần mềm.

Công ty nắm giữ 100,00% vốn điều lệ của Công ty con .

Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 09/06/2021.

• **Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam**

Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108989195 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 11 năm 2019, thay đổi lần thứ 3 ngày 18 tháng 6 năm 2020. Theo đó;

Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 59C ngõ 66, Phố Tân Mai, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là thương mại và dịch vụ.

Công ty nắm giữ 51,00% vốn điều lệ của Công ty con.

Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 09/06/2021.

• **Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ**

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600336943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 9 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 01 tháng 04 năm 2021. Theo đó:

Vốn điều lệ : 6.500.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Lô số 2, Khu công nghiệp Thụy Vân, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ Việt nam.

Hoạt động kinh doanh chính là Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty sở hữu gián tiếp 100,00% vốn điều lệ thông qua sở hữu vốn trong Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải; Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải ngày 21/05/2021.

• **Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải**

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200644957 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần 15 ngày 02 tháng 04 năm 2021. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính là kho bãi và lưu giữ hàng hóa, Cho thuê kho bãi, văn phòng sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan.

Công ty sở hữu gián tiếp 99,00% vốn điều lệ thông qua sở hữu vốn trong Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải; Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải ngày 21/05/2021.

20
NG
PH
TÁ
NG
NH
HA

• **Công ty CP vận tải Đa phương thức Duyên Hải - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Công ty CP vận tải Đa phương thức Duyên Hải – Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0200793081-001 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2018, thay đổi lần thứ 1 ngày 15 tháng 03 năm 2018.

Trụ sở đăng ký tại : Số 62 Bis Huỳnh Thúc Kháng, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

(Trường hợp doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng hoặc được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

5.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;



- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

5.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{c} \text{Mức dự} \\ \text{phòng tổn} \\ \text{thất các} \\ \text{khoản đầu} \\ \text{tư tài chính} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm là lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá.

10.4. Doanh thu nhận trước: Phản ánh số hiện có và tình hình tăng giảm doanh thu chưa thực hiện của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về tiền thuê văn phòng, thuê tài sản.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính: Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

12. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có). Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Quý II năm 2021 là 20%.

02
ON
OF
AN
HUC
UY
PH

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

Đơn vị tính: Đồng

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền mặt	529,084,756		1,099,146,686	
Tiền gửi ngân hàng	13,922,281,877		3,921,223,662	
Các khoản tương đương tiền	-		51,000,000,000	
Gửi tiết kiệm NH TMCP ĐT và PT VN-CN Đông HP			16,000,000,000	
Gửi tiết kiệm NH TMCP Công thương VN-CN Ngô Quyền			20,000,000,000	
Gửi tiết kiệm NH TMCP Việt Á - CN Hải Phòng			15,000,000,000	
Cộng:	14,451,366,633		56,020,370,348	
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	Cuối kỳ		Đầu năm	
Chứng khoán kinh doanh				
Công ty CP Công trình giao thông Đồng Nai(DGT)	19,911,884,280			
Công ty CP In sách giáo khoa Hòa Phát(HTP)	11,145,556,620			
Cộng:	31,057,440,900		-	
3. Phải thu về cho vay	Cuối kỳ		Đầu năm	
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn	-		-	
b. Phải thu về cho vay dài hạn	-		8,800,000,000	
Công ty TNHH Container Minh Thành	-		8,800,000,000	
Cộng:	-		8,800,000,000	
4. Phải thu của khách hàng	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	7,084,615,843		1,440,057,955	
Công ty TNHH Đại lý vận tải Evergreen VN	93,602,357		16,299,711	
Công ty CP kinh doanh CBLS Yên Bái			130,645,900	
Công ty TNHH Hapag Lloyd Việt Nam	123,220,920		308,189,125	
Công ty TNHH TJP Vina	219,385,958		404,666,589	
Công ty TNHH KSA Polymer Hà Nội	308,934,042		189,366,619	
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	5,838,634,490			
Các đối tượng khác	500,838,076		390,890,011	
b. Phải thu của khách hàng dài hạn				
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-		195,854,593	
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải			66,000,000	
Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội			24,000,000	
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ			41,854,593	
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam			64,000,000	
Cộng:	7,084,615,843	-	1,635,912,548	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Phải thu khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
- Phải thu lãi vay, phải thu khác	1,468,247,000		4,308,041,370	
- Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	1,468,247,000		4,267,340,000	
- Công ty TNHH Container Minh Thành	-		40,701,370	
- Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia			10,195,447,870	
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	-		4,351,701,893	
- Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải	-		836,662,517	
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-		387,065,713	
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	-		4,620,017,747	
+ Phải thu khác	121,710,835,200		123,989,274	
Lãi tiền gửi tiết kiệm ngân hàng			90,260,274	
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Phát	60,900,000,000			
Công ty TNHH Thương mại TTRICO	60,720,000,000			
Các đối tượng khác	90,835,200		33,729,000	
+ Phải thu khác	37,864,000		1,880,189,500	
Cộng:	123,216,946,200		- 16,507,668,014	
b. Dài hạn				
Công ty CP Bất động sản Hòa Phú	20,000,000,000			
Các đối tượng khác	95,000,000		92,000,000	
Cộng:	20,095,000,000		- 92,000,000	
6. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình (Phụ lục 01)				
7. Chi phí trả trước		Cuối kỳ		Đầu năm
a. Ngắn hạn				
- Chi phí thuê văn phòng		173,200,000		383,333,333
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		129,677,399		31,672,575
Cộng:		302,877,399		415,005,908
b. Dài hạn		Cuối kỳ		Đầu năm
- Chi phí cải tạo văn phòng		290,813,853		333,371,979
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ		16,324,617		5,370,249
- Thiết bị văn phòng và sửa xe		59,690,769		84,464,100
Cộng:		366,829,239		423,206,328
8. Phải trả người bán		Cuối kỳ		Đầu năm
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

a. Phải trả người bán ngắn hạn	-	-	824,854,224	824,854,224
Công ty TNHH SX và TM Duyên Hải			737,074,224	737,074,224
Công ty TNHH Container Minh Thành			87,780,000	87,780,000
b. Phải trả thương mại	6,442,362,818	6,442,362,818	213,724,940	213,724,940
Cộng:	6,442,362,818	6,442,362,818	1,038,579,164	1,038,579,164

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ
Phải nộp				
- Thuế GTGT	88,010,001	602,108,953	467,231,317	222,887,637
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,277,333	1,193,618,207	75,878,166	1,123,017,374
- Thuế thu nhập cá nhân	15,681,560	44,498,089	41,538,570	18,641,079
- Thuế môn bài		4,000,000	4,000,000	
Cộng:	108,968,894	1,844,225,249	588,648,053	1,364,546,090

10. Chi phí phải trả	Cuối kỳ	Đầu năm
Trích trước hoa hồng cho Ever, Hapag	519,919,200	592,041,000
Cộng:	519,919,200	592,041,000

11. Phải trả khác	Cuối kỳ	Đầu năm
a. Phải trả ngắn hạn khác		
Cổ tức lợi nhuận phải trả	542,186,700	610,434,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác:	609,291,468	1,406,576,594
- Công ty TNHH MTV Vận tải ĐPT Duyên Hải HN		600,000,000
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	436,185,838	791,960,664
- Các đối tượng khác	173,105,630	14,615,930
Cộng:	1,151,478,168	2,017,010,594

b. Phải trả dài hạn khác	Cuối kỳ	Đầu năm
Ký cược, ký quỹ	75,000,000	78,000,000
Cộng:	75,000,000	78,000,000

12. Vay và nợ thuê tài chính

13. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 02)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của của các đối tượng khác	167,280,760,000	167,280,760,000
Cổ phiếu quỹ	19,829,240,000	19,829,240,000
Cộng:	187,110,000,000	187,110,000,000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

+ Vốn góp đầu năm	187,110,000,000	187,110,000,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	187,110,000,000	187,110,000,000

d. Cổ phiếu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18,711,000	18,711,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16,728,076	16,728,076
+ Cổ phiếu phổ thông	16,728,076	16,728,076
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	1,982,924	1,982,924
+ Cổ phiếu phổ thông	1,982,924	1,982,924
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16,728,076	16,728,076
+ Cổ phiếu phổ thông	16,728,076	16,728,076
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu

e. Cổ tức

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kế toán năm:	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

	<u>Quý II Năm 2021</u>	<u>Quý II Năm 2020</u>
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thương mại, dịch vụ		
Trong đó:		
Doanh thu xuất tàu Shipline	-	106,227
Doanh thu bãi	4,296,012,938	3,516,377,921
Doanh thu vận tải	5,301,150,000	638,130,000
Doanh thu thương mại, dịch vụ	4,254,920,927	2,682,671,137
Cộng:	13,852,083,865	6,837,285,285
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
3. Giá vốn hàng bán thương mại, dịch vụ		
Giá vốn xuất tàu Shipline	-	
Giá vốn bãi	3,684,313,755	3,131,864,419
Giá vốn vận tải	4,852,800,000	606,918,180
Giá vốn thương mại, dịch vụ	3,455,452,496	1,797,456,252
Cộng:	11,992,566,251	5,536,238,851
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Quý II Năm 2021</u>	<u>Quý II Năm 2020</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3,013,197,719	1,065,698,659
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7,115,628,737	3,311,327,235
Cộng:	10,128,826,456	4,377,025,894
5. Chi phí tài chính	Quý II Năm 2021	Quý II Năm 2020
Chênh lệch tỷ giá	82,967	3,098,715
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính vào công ty con	(1,532,070,100)	(49,703,077)
Cộng:	(1,531,987,133)	(46,604,362)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý II Năm 2021	Quý II Năm 2020
Chi phí nhân viên	789,940,693	626,103,499
Chi phí khấu hao TSCĐ	31,221,726	45,907,578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	751,097,776	468,772,329
Chi phí bằng tiền khác	92,355,400	59,773,300
Cộng	1,664,615,595	1,200,556,706
7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Quý II Năm 2021	Quý II Năm 2020
Chi phí nhân công	789,940,693	626,103,499
Chi phí Khấu hao TSCĐ	31,221,726	45,907,578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12,743,664,027	6,005,011,180
Chi phí bằng tiền khác	92,355,400	59,773,300
Cộng	13,657,181,846	6,736,795,557
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý II Năm 2021	Quý II Năm 2020
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,123,017,374	242,558,550
Cộng	1,123,017,374	242,558,550

VII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Quản trị rủi ro tài chính.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả phải nộp khác. Mục đích của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua của các công cụ này.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có 4 loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến nghĩa vụ nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính bao gồm cả tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư trong tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ đã được trình bày ở trên và Công ty nhận thấy rủi ro tín dụng đối với khoản mục này là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp phải khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản

của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty thực hiện giám sát rủi ro thanh khoản thông qua duy trì một lượng tiền mặt và các khoản vay ngân hàng mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng các hoạt động của Công ty, để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

2. Công cụ tài chính (Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính)

Công ty chưa tiến hành xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính do chưa có hướng dẫn cụ thể từ cơ quan quản lý. Bảng dưới đây sẽ trình bày giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
	<i>Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	14,451,366,633	14,451,366,633
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	200,480,916,043	200,480,916,043
		<i>Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021</i>
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Nợ phải trả tài chính		
Ngắn hạn		
Các khoản phải trả ngắn hạn của khách hàng và phải trả ngắn hạn khác	7,593,840,986	7,593,840,986

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Dài hạn		
Phải trả dài hạn khác	75,000,000	75,000,000
3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động doanh nghiệp	Tại thời điểm	Tại thời điểm
	30/06/2021	01/01/2021
a. Bố trí cơ cấu tài sản:		
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	8%	71%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	92%	29%
b. Tỷ suất sinh lợi:		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	51%	143%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	5%	9%
c. Tình hình tài chính:		
- Tỷ lệ nợ phải trả / Tổng tài sản	4%	7%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	4%	4%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/ Tổng vốn chủ sở hữu)	0.40%	0.48%

4. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Đơn vị tính: đồng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu sau:

Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch trong kỳ với Công ty:

- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải : Công ty sở hữu 99,89% vốn điều lệ; Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 21/05/2021.
- Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải: Công ty sở hữu 99,35% vốn điều lệ; Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 07/06/2021.
- Công ty TNHH MTV vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội: Công ty sở hữu 100,00% vốn điều lệ; Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 09/06/2021.
- Công ty TNHH Container Minh Thành: Công ty sở hữu 99,947% vốn điều lệ; Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 31/05/2021.
- Công ty TNHH công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải: Công ty sở hữu 100,00% vốn điều lệ; Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 09/06/2021.
- Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam: Công ty sở hữu 51,00% vốn điều lệ; Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty con ngày 09/06/2021.
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải: Công ty sở hữu gián tiếp 99,00% vốn điều lệ thông qua sở hữu vốn trong Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải; Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải ngày 21/05/2021.
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ: Công ty sở hữu gián tiếp 100,00% vốn điều lệ thông qua sở hữu vốn trong Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải; Công ty mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải ngày 21/05/2021.
- Công ty TNHH Tân Đại Tiền Bình Thuận.
- Công ty CP Hưng Vượng Developer.
- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị;
- Các cổ đông lớn: Ông Đàm Mạnh Cường, Công ty TNHH MTV quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Theo danh sách cổ đông do VSD chốt ngày 26/3/2021 gần nhất với kỳ báo cáo)
- Các cổ đông lớn: Ông Phạm Duy Như Quỳnh, Ông Lê Hồng Ngọc, Công ty CP HQ Investment Group.

J.N.C
 CÔ
 CỔ
 V&
 APHL
 DU
 H PH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
- Mua hàng hóa dịch vụ (TK 632+ TK642)		4,001,038,729
1 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	3,730,188,729
2 Công ty TNHH Container MinhThành	Giá vốn dịch vụ	270,850,000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ + DT HDTC		740,551,192
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	179,234,048
2 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	15,395,666
3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	66,756,536
4 Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Doanh thu dịch vụ	42,538,915
5 Công ty TNHH MTV vận tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	Doanh thu dịch vụ	82,500,000
6 Công ty TNHH Container MinhThành	Doanh thu dịch vụ	134,126,027
7 Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	Doanh thu dịch vụ	220,000,000
- Trả trước cho người bán		Tại ngày 30/06/2021
1 Công ty TNHH Tân Đại Tiên Bình Thuận. <i>Cộng</i>	Công nợ	70,160,904,000 70,160,904,000
- Thù lao, thu nhập, thưởng của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc		Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Thù lao, thu nhập, thưởng của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc		699,256,326

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính Quý II năm 2020 của Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

6. Thông tin về tính hoạt động liên tục

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải khẳng định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2021

Người lập

Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Thủy

Tổng Giám đốc

Phan Thanh Bình



Phụ lục số 01:

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm		31,348,182	9,253,638,408	43,727,274	9,328,713,864
- Mua trong kỳ					-
- XDCB hoàn thành		-	-	-	-
- Tăng khác			-		-
- Chuyển sang BĐS đầu tư		-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán			8,004,769,317		8,004,769,317
- Giảm khác				-	-
Số dư cuối kỳ		31,348,182	1,248,869,091	43,727,274	1,323,944,547
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm		31,348,182	8,160,877,941	43,727,274	8,235,953,397
- Khấu hao trong kỳ			62,443,452		62,443,452
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán			8,004,769,317		8,004,769,317
- Giảm khác			-	-	-
Số dư cuối kỳ		31,348,182	218,552,076	43,727,274	293,627,532
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm		-	1,092,760,467	-	1,092,760,467
- Tại ngày cuối kỳ		-	1,030,317,015	-	1,030,317,015

Phu lục số 02:

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	187,110,000,000	9,772,359,500	(22,095,490,500)	70,539,052	825,550,013	67,644,443,703	243,327,401,768
Tăng vốn trong năm trước							-
Lãi trong năm trước						18,391,170,841	18,391,170,841
Tăng khác				355,783,133	49,596,839		405,379,972
Giảm vốn trong năm trước							-
Lỗ trong năm trước							-
Giảm khác				317,790,000		15,373,475,482	15,691,265,482
							-
2. Số dư cuối năm trước	187,110,000,000	9,772,359,500	(22,095,490,500)	108,532,185	875,146,852	70,662,139,062	246,432,687,099
3. Số dư đầu năm nay	187,110,000,000	9,772,359,500	(22,095,490,500)	108,532,185	875,146,852	70,662,139,062	246,432,687,099
Tăng vốn trong kỳ							-
Lãi trong kỳ						11,890,101,565	11,890,101,565
Tăng khác				389,548,109	69,418,208		458,966,317
Giảm vốn trong kỳ							-
Lỗ trong kỳ							-
Giảm khác				498,080,294		555,955,141	1,054,035,435
							-
4. Số dư cuối kỳ :	187,110,000,000	9,772,359,500	(22,095,490,500)	-	944,565,060	81,996,285,486	257,727,719,546